

Bản án số: 40/2022/DS-PT

Ngày 06 - 5 - 2022

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Châu Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLPT-DS, ngày 24/02/2022 về việc “tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Danh C**, sinh năm 1972 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Minh, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Danh N**, sinh năm 1969 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Bậu E**, sinh năm 1975 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Vĩnh M, xã Vĩnh T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Thị X**, sinh năm 1961 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ủy ban nhân dân xã **Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu**

Địa chỉ: Ấp Ninh T, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Ngọc T** - Chủ tịch ủy ban

nhân dân nhân dân xã Ninh H (có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Danh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Danh C trình bày: Ông và ông Danh N là anh em ruột, cha là ông Danh S đã chết không có làm giấy chứng tử và mẹ là bà Thị P chết vào năm 2019 có giấy chứng tử số 41 ngày 02/5/2019 của UBND xã Ninh H. Khi bà Thị P chết thì có để lại một miếng đất khoảng 3.000m² tọa lạc ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Bà Thị P chết không để lại di chúc, toàn bộ phần đất này hiện do ông Danh N và vợ là bà Thị X đang quản lý, sử dụng. Qua đo đạc thực tế có tổng diện tích đất là 1.069,9m² gồm có 04 thửa: thửa số 01 diện tích 428,2m², thửa số 02 diện tích 467,6m², thửa số 03 diện tích 71,5m², thửa số 4 diện tích 102,6m². Khi còn sống bà Thị P phân chia di sản cho ông Danh C phần đất qua đo đạc thực tế gồm thửa 01 và thửa 03 và cho ông Danh N thửa số 02 và thửa 04. Việc phân chia di sản này chỉ bằng lời nói và đến nay không lập di chúc cả 04 thửa này đều do bà Thị P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Danh N cất giữ. Sau khi bà Thị P chết, ông Danh C yêu cầu ông Danh N chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Danh N không đồng ý. Nay ông Danh C yêu cầu chia thừa kế di sản bà Thị P để lại gồm 04 thửa đất nêu trên theo quy định pháp luật, ông Danh S và bà Thị P chỉ có 02 người con gồm ông Danh C và ông Danh N, ngoài ra không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Bị đơn ông Danh N trình bày trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm: Ông và ông Danh N là anh em ruột, cha là ông Danh S đã chết không có làm giấy chứng tử và mẹ là bà Thị P chết vào năm 2019 có giấy chứng tử số 41 ngày 02/5/2019 của UBND xã Ninh H. Khi bà Thị P chết thì có để lại một miếng đất tọa lạc ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cho ông Danh N và bà Thị X quản lý sử dụng. Tuy bà Thị P chết không để lại di chúc nhưng toàn bộ phần đất này ông Danh N được hưởng vì ông sống chung và có công nuôi mẹ. Do đó, ông Danh C yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có tổng diện tích 1.069,9m² gồm có 04 thửa: thửa số 01 diện tích 428,2m², thửa số 02 diện tích 467,6m², thửa số 03 diện tích 71,5m², thửa số 4 diện tích 102,6m² ông Danh N không đồng ý. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà của Thị P hiện do ông Danh N cất giữ không thể chấp cho cá nhân hay tổ chức tín dụng nào khác, ông Danh S và bà Thị P chỉ có 02 người con gồm ông Danh C và ông Danh N, ngoài ra không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bậu E trình bày trong hồ sơ vụ án: Bà cũng thống nhất với lời trình bày của ông Danh C. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị X trình bày: Bà cũng thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Danh N. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Ninh H, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Trong phần đất tranh chấp giữa ông Danh C và ông Danh N, cơ quan chuyên môn xác định thửa số 03 diện tích 71,5m² và thửa số 04 diện tích 102,6m² nằm trong thửa T1, tờ bản đồ số 22 chưa có ai đứng tên trên sổ mục kê và do ủy ban nhân dân xã quản lý chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Tuy nhiên các phần đất này trước đến nay do các đương sự quản lý sử dụng nên tiếp tục giao các đương sự quản lý sử dụng. Khi nào nhà nước có thực hiện thu hồi, giải phóng mặt bằng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Áp dụng Điều khoản 5 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 47, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh C.

Chia cho ông Danh C phần đất có diện tích 499,7m²

Buộc ông Danh N và bà Thị X giao trả cho ông Danh C phần đất có diện tích 499,7m² tọa lạc ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu gồm:

- Thửa số 01: Diện tích 428,2m²

Hướng đông giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 25,5m

Hướng tây giáp phần đất thửa số 02 cạnh dài 24,5m

Hướng nam giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 15,5m

Hướng bắc giáp đường nhựa cạnh dài 18,5m

Trên đất có 04 cây dừa đang có trái và 09 cây cau kiểng.

- Thửa số 03: Diện tích 71,5m²

Hướng đông giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 3,5m

Hướng tây giáp phần đất thửa số 04 cạnh dài 4,4m

Hướng nam giáp đường nhựa cạnh dài 18,5m

Hướng bắc giáp kênh Tà B cạnh dài 18,5m

Trên đất có 04 cây dừa đang có trái và 09 cây cau kiểng.

2. Ông Danh N được hưởng phần đất có diện tích 570,2m² tọa lạc ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu gồm:

- Thửa số 02: Diện tích 467,6m²

Hướng đông giáp phần đất số 02 cạnh dài 24,5m

Hướng tây giáp phần đất bà Thủy + ông Châu Sinh cạnh dài 17,3m

Hướng nam giáp đất bà Thạch Thị K + ông Châu Sinh cạnh dài 22,2m

Hướng bắc giáp đường nhựa cạnh dài 21,7m.

- Thửa số 04: Diện tích 102,6m²

Hướng đông giáp thửa đất số 03 cạnh dài 3,5m

Hướng tây giáp phần đất bà Thị Thủy cạnh dài 5,7m

Hướng nam giáp đường nhựa cạnh dài 21,7m

Hướng bắc giáp kênh Tà B cạnh dài 21,3m.

Tài sản trên phần đất tại thửa 02 và thửa 04 do ông Danh N xây dựng và trồng nên ông tiếp tục quản lý và sử dụng.

Tất cả 04 thửa đất nêu trên theo hồ sơ địa chính xã Ninh H thành lập năm 1993 nằm trong thửa 451, tờ bản đồ số 5 do bà Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích mình được hưởng khi có nhu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, bị đơn ông Danh N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Danh N giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Danh N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định

đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Danh C và bị đơn ông Danh N có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bậu E có mặt; bà Thị X và người đại diện cho Ủy ban nhân dân xã Ninh H vắng mặt. Xét thấy, bà Xum và người đại diện cho Ủy ban nhân dân xã Ninh H đã có đơn xin vắng mặt tại Tòa án. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Xum và người đại diện cho Ủy ban nhân dân xã Ninh H.

[3] Về nội dung: Ông Danh C yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật do bà Thị P chết để lại.

Xét kháng cáo của ông Danh N không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh C.

Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/02/2021 (bút lục 28-32) và Mệnh trích đo địa chính thửa đất ngày 23/02/2021 (bút lục 41) thể hiện diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của ông Danh C qua đo đạc thực tế, có vị trí và số đo như sau:

Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 1.069.9m² gồm 4 phần:

- Thửa số 01: Diện tích 428,2m²

Hướng đông giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 25,5m

Hướng tây giáp phần đất thửa số 02 cạnh dài 24,5m

Hướng nam giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 15,5m

Hướng bắc giáp đường nhựa cạnh dài 18,5m

- Thửa số 02: Diện tích 467,6m²

Hướng đông giáp phần đất số 02 cạnh dài 24,5m

Hướng tây giáp phần đất bà Thủy + ông Châu Sinh cạnh dài 17,3m

Hướng nam giáp đất bà Thạch Thị K + ông Châu Sinh cạnh dài 22,2m

Hướng bắc giáp đường nhựa cạnh dài 21,7m.

- Thửa số 03: Diện tích 71,5m²

Hướng đông giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 3,5m

Hướng tây giáp phần đất thửa số 04 cạnh dài 4,4m

Hướng nam giáp đường nhựa cạnh dài 18,5m

Hướng bắc giáp kênh Tà B cạnh dài 18,5m

- Thửa số 04: Diện tích 102,6m²

Hướng đông giáp thửa đất số 03 cạnh dài 3,5m

Hướng tây giáp phần đất bà Thị Thủy cạnh dài 5,7m

Hướng nam giáp đường nhựa cạnh dài 21,7m

Hướng bắc giáp kênh Tà B cạnh dài 21,3m.

Hiện trạng trên đất:

Thửa số 01: Có 04 (bốn) cây dừa đang cho trái, 09 cây cau kiểng. Các đương sự xác định là do bà Thị P trồng.

Thửa số 02: có 01 căn nhà của ông Danh N và bà Thị X diện tích chiều

ngang 10,7m, chiều dài 13,8m, kết cấu cột gỗ địa phương, mái lợp thiếc, nền lát gạch bông (hoa), vách thiếc; 01 cái chái ngang 03m dài 13,8m, nền đất, cột gỗ địa phương, mái lợp thiếc; 04 cây vú sữa đang cho trái; 05 cây xoài đang cho trái; 09 cây cau kiểng; 01 cây nhãn đang cho trái. Tất cả các cây trên đất này do ông Danh N trồng.

Thửa số 03: có 11 cây cau kiểng; 02 cây dừa đang cho trái. Các đương sự xác định là do bà Thị P trồng.

Thửa số 04: có 08 cây cau kiểng; 03 cây dừa đang cho trái. Các đương sự xác định do ông Danh N trồng.

[4] Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn cùng xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Thị P nên ông Danh C yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Thị P để lại. Qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có tổng diện tích đất là 1.069.9m² gồm có 04 thửa đất: thửa số 01; thửa số 02; thửa số 03 và thửa số 04 do bà Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét thấy: Ông Danh C và ông Danh N đều thống nhất là anh em ruột với nhau, phần đất tranh chấp là của bà Thị P chết vào năm 2019 không để lại di chúc có tổng diện tích đất là 1.069.9m² gồm có 04 thửa đất.

Tài sản trên đất tranh chấp gồm có: Tại thửa số 01: Có 04 (bốn) cây dừa đang cho trái, 09 cây cau kiểng. Các đương sự xác định là do bà Thị P trồng; thửa số 02: có 01 căn nhà của ông Danh N và bà Thị X diện tích chiều ngang 10,7m, chiều dài 13,8m, kết cấu cột gỗ địa phương, mái lợp thiếc, nền lát gạch bông (hoa), vách thiếc; 01 cái chái ngang 03m dài 13,8m, nền đất, cột gỗ địa phương, mái lợp thiếc; 04 cây vú sữa đang cho trái; 05 cây xoài đang cho trái; 09 cây cau kiểng; 01 cây nhãn đang cho trái; thửa số 03: có 11 cây cau kiểng; 02 cây dừa đang cho trái; thửa số 04: có 08 cây cau kiểng; 03 cây dừa đang cho trái.

Về thời điểm mở thừa kế, di sản thừa kế đã được cấp sơ thẩm xem xét và có căn cứ theo quy định của pháp luật

Ông Danh C cho rằng khi còn sống bà Thị P có nói miệng là cho ông Danh C và bà Nguyễn Thị Bậu E thửa đất số 01 và thửa đất số 03. Sau khi bà Thị P chết, ông Danh C có yêu cầu ông Danh N làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh C nhưng ông Danh N không đồng ý còn ông Danh N xác định vì ông Danh N ở cùng bà Thị P và có công nuôi mẹ nên ông Danh N được hưởng toàn bộ diện tích đất này.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Danh N xác định diện tích 500m² tại thửa 451 là ông mua của bà Thị Y nhưng ông Danh N không đưa ra được tài liệu hay chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”* do ông Danh C và ông Danh N là con ruột của bà Thị P thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ngoài ra, tại khoản 2 điều 660 Bộ luật dân sự

2015 quy định:

“ 2. Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia”

Do đó, cụ Thị P và cụ Danh S chết không để lại di chúc có tổng diện tích đất là 1.069,9m², chỉ có 02 người con là ông Danh C và ông Danh N nên di sản được cấp sơ thẩm chia theo pháp luật là phù hợp. Khi chia thừa kế cấp sơ thẩm xem xét chia cho ông Danh C được hưởng diện tích 499,7m² ít hơn ông Danh N được hưởng diện tích 570,2m² là 70,5m² là hợp lý, đã xem xét đến công nuôi dưỡng cụ Pho. Do đó, cấp sơ thẩm xem xét chia ông Danh C được hưởng thừa 01 và 03 cùng các cây trồng trên đất; chia cho ông Danh N được hưởng thừa số 02, thừa số 04 cùng các cây trồng và các kiến trúc trên đất. Các thửa đất này hiện do cụ Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất mình được hưởng khi có yêu cầu. Đối với ý kiến của ông Danh N cho rằng ông có công nuôi dưỡng cụ Thị P nên được hưởng hết phần đất của cụ Thị P để lại là không đúng với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với các phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh N, có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Về án phí phúc thẩm: Ông Danh N phải chịu theo quy định pháp luật.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều khoản 5 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 47, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Danh N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh C.

Chia cho ông Danh C phần đất có diện tích $499,7m^2$

Buộc ông Danh N và bà Thị X giao trả cho ông Danh C phần đất có diện tích $499,7m^2$ tọa lạc ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu gồm:

- Thửa số 01: Diện tích $428,2m^2$

Hướng đông giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 25,5m

Hướng tây giáp thửa đất số 02 cạnh dài 24,5m

Hướng nam giáp đất bà Thạch Thị K cạnh dài 15,5m.

Hướng Bắc giáp đường nhựa cạnh dài 18,5m

Trên đất có 04 cây dừa đang cho trái và 09 cây cau kiểng.

- Thửa số 03: Diện tích $71,5m^2$

Hướng đông giáp phần đất bà Thạch Thị K cạnh dài 3,5m

Hướng tây giáp thửa đất số 04 cạnh dài 4,4m

Hướng nam giáp đường nhựa cạnh dài 18,5m

Hướng Bắc giáp kênh Tà B cạnh dài 18,5m

Trên đất có 02 cây dừa đang cho trái và 11 cây cau kiểng.

2. Ông Danh N được hưởng phần đất có diện tích $570,2m^2$ tọa lạc ấp Tà B, xã Ninh H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu gồm:

- Thửa số 02: Diện tích $467,6m^2$

Hướng đông giáp thửa đất số 02 cạnh dài 24,5m

Hướng tây giáp phần đất bà Thủy + ông Châu Sinh cạnh dài 17,3m

Hướng nam giáp đất bà Thạch Thị K + ông Châu Sinh cạnh dài 22,2m.

Hướng Bắc giáp đường nhựa cạnh dài 21,7m

- Thửa số 04: Diện tích $102,6m^2$

Hướng đông giáp thửa đất số 03 cạnh dài 3,5m

Hướng tây giáp phần đất bà Thị Thủy cạnh dài 5,7m

Hướng nam giáp đường nhựa cạnh dài 21,7m.

Hướng Bắc giáp kênh Tà B cạnh dài 21,3m

Tài sản trên phần đất tại thửa 02 và thửa 04 do ông Danh N xây dựng và trồng nên ông tiếp tục quản lý và sử dụng.

Tất cả 04 thửa đất nêu trên theo hồ sơ địa chính xã Ninh H thành lập năm 1993 nằm trong thửa 451, tờ bản đồ số 5 do bà Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích mình được hưởng khi có yêu cầu.

3. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ buộc ông Danh N có nghĩa vụ trả cho ông Danh C 3.800.000đ trong giai đoạn thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Danh N phải nộp 8.553.000đ, buộc ông Danh C phải nộp 7.670.000đ, do ông Danh C dự nộp 800.000đ theo biên lai thu số 0003415 ngày 21/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, ông Danh C phải nộp thêm 6.870.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Danh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Danh N đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0005988 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lệ Kiều Châu Minh Nguyệt

Lê Thanh Hùng

